

Số: 07/BC-TTYT

Phong Điền, ngày 03 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả công tác y tế năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Trung tâm Y tế huyện Phong Điền luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế, của Huyện ủy, UBND huyện Phong Điền, sự hỗ trợ của các ban ngành trong huyện đã tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt trong hoạt động của trung tâm.

Toàn thể cán bộ, viên chức nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy trách nhiệm, không ngừng đổi mới phong cách, thái độ phục vụ đáp ứng sự hài lòng của người bệnh.

Trung tâm Y tế đã xây dựng kế hoạch hoạt động công tác khám, chữa bệnh, công tác phòng chống dịch bệnh. Thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống của bệnh viện dựa trên Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.

1. Cơ cấu tổ chức

Lãnh đạo trung tâm gồm có 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc;

Trung tâm có 04 phòng chức năng, 12 khoa phòng chuyên môn, 01 phòng khám đa khoa khu vực và có 16 trạm y tế xã, thị trấn.

2. Về tình hình nhân lực

2.1. Tại trung tâm y tế huyện.

Bộ máy tổ chức: Gồm có:

- Ban Giám đốc: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc;
- 04 Phòng chức năng;
- 12 Khoa chuyên môn;
- 01 Phòng khám đa khoa khu vực

Nhân lực: Tổng số CBVC là: 141 (137 biên chế; 04 hợp đồng). Trong đó:

- Trên đại học: 21 người
- Đại học: 54 người (Bác sĩ: 29)

- Cao đẳng: 37 người
- Trung cấp: 16 người
- Khác: 12 người

2.2. Tại Trạm Y tế xã, thị trấn.

Tổng số cán bộ biên chế là: 85 cán bộ. Trong đó:

- Trên đại học: 3 người
- Đại học: 15 người (Bác sĩ: 15).
- Cao đẳng: 22 người
- Trung cấp: 39 người
- Khác: 02 người

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ Y TẾ NĂM 2023

1. Quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành

1.1. Công tác triển khai thực hiện, tham mưu quản lý, điều hành

Đảng ủy, Ban Giám đốc Trung tâm Y tế đã triển khai, quán triệt các Nghị quyết của Huyện ủy, Kế hoạch của Sở Y tế và chỉ đạo của UBND huyện về công tác y tế. Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch số 44-KH/HU ngày 21/12/2021 của Huyện ủy Phong Điền về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 09/8/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng TT-Huế xứng tầm là một trong những trung tâm Y tế chuyên sâu và khu vực Đông Nam á, giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện; luôn tăng cường phối hợp với các cấp, các ngành, các địa phương để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của ngành.

Kế hoạch số 56-KH/HU ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Huyện ủy Phong Điền về việc thực hiện Nghị Quyết 20-NQ/TW, Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; về công tác dân số trong tình hình mới và Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2019 của UBND huyện Phong Điền về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống dịch truyền nhiễm mới nổi. Tăng cường giám sát dịch bệnh Sốt xuất huyết, chủ động phương án phòng chống dịch không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo tổ chức thường trực cấp cứu, đảm bảo công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, thực hiện thường xuyên Bộ tiêu chí An toàn chống dịch trong Bệnh viện theo Quyết định số 3088/QĐ- BYT ngày 16/7/2020 của Bộ Y tế ban hành.

Triển khai Thực hiện Công văn số 841/SYT-KHTC ngày 13/3/2023 của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện Quyết định 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030; Quyết định số 1185/QĐ-SYT ngày 12/9/2023 về Ban hành Kế hoạch hành động của Sở Y tế thực hiện Nghị quyết số 87-NQ/ĐU ngày ngày 31/5/2023 của Đảng ủy Sở Y tế về chuyển đổi số y tế đến năm 2025 định hướng đến năm 2030;

Cải cách hành chính gắn với chính quyền số , dịch vụ đô thị thông minh năm 2023 đã ban hành Kế hoạch số 62/KH-TTYT ngày 12/01/2023 về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, Y tế thông minh năm 2023.

Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ Y tế về hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp Y tế công lập.

Tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch 246/KH-UBND ngày 12/12/2023 về việc Thực hiện nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2023; Kế hoạch số 252/KH-BCĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc triển khai chiến dịch cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản-KHHGD trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2023.

Công tác An toàn thực phẩm đã tham mưu ban hành kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND huyện Phong Điền về quản lý, kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2023; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện Phong Điền về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 98-KH/HU ngày 10/3/2023 của Huyện ủy huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

Quán triệt cho cán bộ, viên chức chấp hành tốt kỷ luật trong lao động, nêu cao đạo đức người thầy thuốc, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, đảm bảo đáp ứng sự hài lòng của người bệnh khi đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong toàn huyện.

Toàn bộ cán bộ TTYT thực hiện tốt "Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng đến sự hài lòng của người bệnh." Mỗi cán bộ quán triệt việc đổi mới, chấn chỉnh phong cách, thái độ phục vụ nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình khi giao tiếp, ứng xử với người bệnh.

1.2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế

(Kết quả Phụ lục 1)

2. Công tác khám, chữa bệnh

- Thực hiện tốt quy trình khám bệnh theo Quyết định 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế tại khoa Khám bệnh và khoa Cận lâm sàng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng điều trị và giảm thời gian chờ đợi của bệnh nhân.

- Bố trí đủ các bàn khám, phòng khám và bác sĩ chuyên khoa nhằm đáp ứng kịp thời khám bệnh hàng ngày cho người bệnh đúng theo quy định. Cùng cố xây dựng phương án tăng cường nhân lực, bố trí bàn khám trong những thời điểm đông bệnh nhân đến khám.

- Thực hiện thường xuyên các dịch vụ kỹ thuật lĩnh vực Ngoại- Sản đã được Sở Y tế phê duyệt. Đã triển khai một số dịch vụ kỹ thuật mới năm 2023 đã đăng ký: Phẫu thuật cắt A gây mê, phẫu thuật nội soi ruột thừa viêm, gây mê nội khí quản dòng thấp. Trung tâm Y tế đã đầu tư, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị. Tiếp tục triển khai, đánh giá đề án cải tiến chất lượng bệnh viện giai đoạn 2022-2025. Năm 2023 bệnh viện được đánh giá theo

bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện đạt 3,61/5 điểm, điểm quy đổi đánh giá tổng hợp đạt 91,24/97 (Không tính 3 điểm chuẩn mục V.7.c1) điểm xếp loại hoàn thành tốt.

- Tại các trạm Y tế và Phòng khám: Tỷ lệ khám chữa bệnh đạt so với Tiêu chí quốc gia y tế xã đã quy định, không có tai biến trong điều trị. Thực hiện tốt công tác cấp cứu ban đầu và công tác khám, điều trị bằng Y học cổ truyền. Quản lý tốt các trang thiết bị y tế và các nguồn thuốc thiết yếu phục vụ cho công tác cấp cứu, khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh, thực hiện tốt công tác các Chương trình Y tế Quốc gia.

Kết quả thực hiện (Phụ lục 2)

- Ứng dụng CNTT trong khám chữa bệnh:

Trung tâm Y tế huyện Phong Điền đẩy mạnh ứng dụng CNTT, với trọng tâm là chuyển đổi số trong toàn ngành Y tế. Ưu tiên chuyển đổi số trong 3 lĩnh vực (lĩnh vực khám chữa bệnh thông minh; chăm sóc sức khỏe thông minh; quản trị thông minh). Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong khám chữa bệnh, triển khai bệnh án điện tử, sử dụng phần mềm khám chữa bệnh từ xa “Bác sĩ cho mọi nhà”, Hồ sơ sức khỏe điện tử, kê đơn thuốc điện tử, liên thông kết quả khám sức khỏe lái xe, giấy báo sinh, giấy báo tử, phần mềm lưu trữ ASM đúng quy định phục vụ Đề án 06 của Chính phủ. (Khai báo qua phần mềm hơn 500 HS đến nay phần mềm được nâng lên phiên bản mới và đơn vị đã tạo lại tài khoản, thiết lập lại hệ thống và tiếp tục đăng ký lưu trữ).

Trung tâm đã phối hợp với FPT triển khai mã QR Code đặt tại quầy thu viện phí cùng các tờ rơi Appic, và tuyên truyền tại quầy thu viện phí không dùng tiền mặt, tuy nhiên do mã Qr chưa liên kết với các ngân hàng khác nên chưa thể quét Qr thanh toán được, bên cạnh đó bệnh nhân chưa cài ứng dụng Huế -S nên phải chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản của đơn vị (Trong năm 2023 có 15 trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản).

Kết quả thực hiện (Phụ lục 3)

3. Công tác y tế dự phòng

3.1. Phòng chống bệnh truyền nhiễm

Từ đầu năm 2023 đến nay, huyện Phong Điền ghi nhận các loại bệnh dịch như sau :

- COVID-19: phát hiện 107 ca F0, 14 xã có ca bệnh, tất cả các bệnh đã kết thúc theo dõi, cách ly điều trị.

- Tay chân miệng: toàn huyện ghi nhận 11 ca bệnh tay chân miệng, có 07 xã có case bệnh, tất cả các case bệnh đã kết thúc theo dõi và điều trị

- Sốt xuất huyết: ghi nhận 37 ca bệnh SXH, có 13 xã có ca bệnh.

- Dịch bệnh đau mắt đỏ bùng phát trong thời điểm giao mùa Hè- Thu, đỉnh điểm lây lan rộng và nhanh vào đầu mùa thu, số ca bệnh được phát hiện đến thời điểm hiện tại là 5313 ca, tất cả 16/16 xã, thị trấn đều có ca mắc.

Triển khai các hoạt động phòng chống dịch:

- Triển khai ký cam kết PCD đến hộ gia đình đạt tỷ lệ 98,58%.

- Triển khai phun chủ động diệt muỗi phòng chống bệnh SXH tại 05 xã.
- Đã triển khai 03 đợt chiến dịch diệt bọ gậy tại các xã.
- Hàng tháng Khoa KSBT-YTCC-ATTP phối hợp với các trạm Y tế xã/thị trấn chủ động giám sát chỉ số côn trùng tại 25% số xã.
- 100% ca bệnh được tiếp cận, tư vấn cách ly, điều trị và hỗ trợ xử lý môi trường ca bệnh trong vòng 24 giờ.
- Tổ chức tập huấn kịp thời cho cán bộ y tế tuyến xã, huyện; cán bộ quản lý, cán bộ y tế của 100% trường học đóng trên địa bàn huyện để triển khai đồng bộ và hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh .

3.2. Phòng chống bệnh không lây nhiễm

Thường xuyên giám sát, theo dõi các hoạt động tuyến xã và thực hiện báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng chương trình bệnh không lây nhiễm.

Tổ chức khám sàng lọc THA cho người dân từ 18 tuổi trở lên hưởng ứng ngày Tăng huyết áp thế giới 17/5.

Tập huấn cho cán bộ TYT và CTV về bệnh THA, ĐTĐ, PCRLTI.

Tổ chức các cuộc truyền thông qua loa đài của xã về ăn giảm muối và phòng chống ĐTĐ hưởng ứng ngày 29/9 và 14/11.

Tổ chức lễ phát động truyền thông hưởng ứng ngày toàn dân mua và dùng muối Iot 02/11.

Quản lý bệnh nhân THA, ĐTĐ, bứu cổ

** Kết quả trong năm 2023:*

+ Tổng số phát hiện THA: 9779 BN đạt 9,48% (trên tổng số dân 103172), thấp hơn so với mức chuẩn (50%)

+ Quản lý điều trị THA (trong 3 tháng gần nhất): 1729 BN đạt 17,7% (trên tổng số phát hiện 9779), thấp hơn so với mức chuẩn (50%)

+ Tổng số phát hiện ĐTĐ: 2074 BN đạt 2,01% (trên tổng số dân 103172), thấp hơn so với mức chuẩn (50%)

+ Quản lý điều trị ĐTĐ (trong 3 tháng gần nhất): 1085 BN đạt 52,31% (trên tổng số phát hiện 2074), đạt chuẩn (trên 30%)

3.3. Chương trình tiêm chủng mở rộng

Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ : 73,56%

Tỷ lệ tiêm phụ nữ có thai: 78,38 %

Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản đạt: 79,93%

Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi - Rubella đạt: 80,94

Tỷ lệ tiêm nhắc vắc xin DPT đạt: 47,25%

Tỷ lệ tiêm vắc xin IPV2 đạt: 68,92%

Tỷ lệ tiêm VGBSS dưới 24 giờ 11 tháng đạt: 198/211 tỷ lệ 93,83%

Tỷ lệ chiến dịch tiêm vắc xin Td cho trẻ 8 tuổi và học sinh lớp 3: 94,1%

Tất cả các chỉ tiêu đều không đạt trừ tỷ lệ tiêm vắc xin VGBSS và chiến dịch tiêm Td. Nguyên nhân tỷ lệ tiêm chủng năm 2023 không đạt tỷ lệ là do thiếu hụt nhiều loại vắc xin trong thời gian dài như: SII, OPV, Sởi, Sởi-Rubella, Uốn ván, DPT, VGB, BCG.

3.4. Phòng chống HIV/AIDS

Tính đến ngày 20.12.2023 các trường hợp nhiễm HIV/AIDS của toàn huyện là 64 trường hợp, trong đó 29 trường hợp tử vong, đang được quản lý, chăm sóc là 38 trường hợp. Toàn huyện không phát hiện trường hợp nhiễm mới và không có trường hợp tử vong.

- Bệnh nhân được điều trị ARV: 38

- Các chỉ tiêu về dự phòng:

+ 06 người nghiện dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế(tăng 1 người so với 2022).

+ 74% người dân 15-24 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS(tăng 2% so với năm 2022).

+ 72% người dân 15-49 tuổi không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV(tăng 2% so với năm 2022).

- Các chỉ tiêu về xét nghiệm:

+ 90% phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV, trong đó 73% được xét nghiệm trong thời kỳ mang thai(tăng 5% so với năm 2022).

+ 55% người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được xét nghiệm HIV(tăng 3% so với năm 2022)..

- Thực hiện truyền thông về HIV/AIDS theo chỉ tiêu phân bổ mỗi thôn 4 cuộc trên tổng số 136 thôn. Tổ chức các truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng huyện.

- Triển khai tháng chiến dịch dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

(Kết quả thực hiện Phụ lục 4)

3.5. Các chương trình VSMT, VSLĐ, VSTH

- Lấy mẫu nước hàng tháng theo lịch cụ thể 16 xã/thị trấn

- Tháng hành động VSMT hướng đến ngày môi trường thế giới 5/6.

- Tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 99,1% cao hơn cùng kỳ năm trước (98%).

- Tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng nước máy đạt 100%, cao hơn cùng kỳ năm trước (99%).

- Tập huấn kiến thức về vệ sinh môi trường cho cán bộ y tế 16 trạm y tế xã, thị trấn.

- Không để các loại bệnh dịch xảy ra trong các trường học trên địa bàn toàn huyện.

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế trường học/kiêm nhiệm về vệ sinh trường học và phòng chống dịch bệnh trong trường học, kết quả 65/65 người tham dự, tỷ lệ 100%

+ Phối hợp với Phòng Giáo dục huyện kiểm tra công tác Vệ sinh trường học, phòng chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các trường học trên địa bàn huyện. Kiểm tra 47 trường, trong đó 35 trường xếp loại tốt, 12 trường xếp loại khá (5 trường khối mầm non, 5 trường khối tiểu học, 2 trường khối THCS)

- Bảo đảm về vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh, cần chú trọng mùa bão lụt tại các khu vực công cộng, trường học trên địa bàn huyện.

3.6. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

Số tin, bài viết tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống các bệnh xã hội và một số nội dung khác với số lượng tin bài là 2046 tin, bài được phát thanh qua hệ thống của huyện và truyền thanh qua hệ thống của xã..

Số người được tập huấn về các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe là 325 người.

Số lượt người được tư vấn và giáo dục sức khỏe trực tiếp là 5126 lượt người.

Số tài liệu, tờ rơi được cấp phát trên 9271.

4. Công tác Dân số Kế hoạch hóa gia đình:

- Đã tiến hành đăng ký các Cụm dân cư không sinh con thứ 3 trở lên đạt 100% so với kế hoạch năm. Ngoài ra năm 2023 huyện Phong Điền có 2 cụm dân cư (Thôn Tả Hữu Tự - xã Phong Bình, Thôn 5 – xã Điền Hòa) đạt danh hiệu 3 năm liền không sinh con thứ 3 trở lên được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng Bằng khen và kinh phí xây dựng công trình phúc lợi xã hội trị giá 20.000.000đ, 2 thôn thuộc xã Điền Hải đạt 2 năm liền không sinh con thứ 3 trở lên được UBND huyện Phong Điền tặng Giấy khen.

- Từ đầu năm đến nay Phòng DS TT&GDSK đã phối hợp tổ chức hơn 15 buổi truyền thông lồng ghép tư vấn chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng người cao tuổi, nam nông dân, phụ nữ, VTN/TN tại các đơn vị và thu hút hơn 3650 lượt người tham gia.

- Tổ chức triển khai chiến dịch cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản-KHHGD trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2023 đạt hiệu quả cao:

+ Dụng cụ tử cung: 851/900 đạt 94.6 % kế hoạch năm;

+ Bao cao su: 2.223/2.400 đạt 92.6 % kế hoạch năm;

+ Thuốc uống tránh thai: 1.425/1.500 đạt 95.0 % kế hoạch năm;

+ Thuốc tiêm tránh thai: 326/300 đạt 108.7 % kế hoạch năm;

+ Thuốc cấy tránh thai: 16/50 đạt 32% kế hoạch năm.

Tổng các BPTT năm 2023: 4.841/5.150 đạt 94% KH năm

* Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên: 200/1.232 đạt 16.23% giảm 0.58% so với năm 2022.

Dữ liệu dân cư có các chỉ báo về dân số năm 2023 (**Phụ lục 5**)

Khó khăn gặp phải trong công tác triển khai dân số kế hoạch hóa gia đình:

- Tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên tuy đã giảm nhưng vẫn còn khá cao; số cán bộ, đảng viên vi phạm sinh con thứ 3 trở lên năm 2023 là 20 người.

- Một số người dân có kinh tế khá giả muốn sinh thêm con.

- Công tác thông tin, truyền thông giáo dục tuyên truyền đã triển khai trên nhiều kênh nhưng thực sự chưa đủ làm cho cộng đồng dân cư thay đổi nhận thức, nhất là để thay đổi tư tưởng lạc hậu muốn có con trai nối dõi tông đường và chuyển đổi hành vi một cách bền vững.

- Trình độ của Cộng tác viên không đồng đều, kỹ năng truyền thông, tư vấn còn yếu, công tác thu thập thông tin của CTV có lúc chưa thật chính xác và kịp thời. Cộng tác viên DS-KHHGD chưa lồng ghép tốt việc tuyên truyền với các hoạt động, sinh hoạt của các đoàn thể.

5. Sức khỏe sinh sản và dinh dưỡng

5.1. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em:

Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ đạo quốc gia dinh dưỡng cấp huyện, công tác phòng chống SDD trẻ em hoạt động tích cực và phấn đấu hạ thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi. Trong năm đã tổ chức nhiều đợt truyền thông dinh dưỡng trên địa bàn huyện với nội dung và hình thức phong phú, hướng dẫn bữa ăn dinh dưỡng cho các bà mẹ mang thai và bà mẹ có con nhỏ tuổi, cách phòng chống và biểu hiện suy dinh dưỡng thông qua theo dõi cân nặng, tiến hành lập biểu đồ tăng trưởng để can thiệp kịp thời. Tỷ lệ SDD của trẻ em dưới 5 tuổi năm 2023 của huyện: cân nặng/tuổi: 6,98 %, giảm 0,44%, chiều cao/tuổi: 10,30%, giảm 0,72% so với năm 2022

Thực hiện kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Phong Điền Về việc Triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 huyện Phong Điền.

Trung tâm Y tế huyện Phong Điền đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, kết quả hoạt động như sau:

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn và điều tra nhân trắc để có kế hoạch thực hiện

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến xã, y tế thôn bản và cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học về phòng chống suy dinh dưỡng và phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, nuôi dưỡng trẻ nhỏ.

- Cung cấp trang thiết bị như cân, thước đo phục vụ theo dõi tăng trưởng và điều tra tình trạng dinh dưỡng TE dưới 16 tuổi:

- Mua 7200 viên sắt để cấp cho 480 trẻ em gái vị thành niên có kinh nguyệt từ 12-16 tuổi

- Tổ chức 16 lớp hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em bằng hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức cho phụ nữ mang thai, bà mẹ hoặc người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại Trạm Y tế Phong Chương và Điền Hương, với 475 bà mẹ tham gia, đồng thời tổ chức 16 buổi nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn về dinh dưỡng, chăm sóc dinh dưỡng hợp lý, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng cho PNMT và bà mẹ nuôi con nhỏ.

5.2. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

Trong thời gian qua, đời sống nhân dân được nâng cao và công tác giáo dục về quản lý thai sản được tăng cường nên đại đa số các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đã thực hiện tốt quản lý thai sản, cụ thể:

- Quản lý bà mẹ mang thai trong toàn huyện đạt 100%.

Khám thai định kỳ để phát hiện sớm các trường hợp mang thai có nguy cơ, quản lý 100%.

+ Tổng số lần khám thai: 3459

+ Tổng số phụ nữ đẻ: 1302

+ Số đẻ được tiêm phòng UV đủ mũi 1302, đạt 100%

- Tỷ lệ khám thai đủ 4 lần đúng 3 thời kỳ của bà mẹ sinh đạt 95,77%

- Quản lý phụ nữ 15 – 49 tuổi có chồng và chưa chồng đạt 100%.

- Quản lý vị thành niên trong độ tuổi 10-24 tuổi đạt 100%.

- Có kế hoạch chủ động dự phòng và cấp cứu 5 tai biến sản khoa trên toàn huyện, đã lập danh sách bà mẹ mang thai có nguy cơ hàng tháng của 16 trạm y tế xã, thị trấn gửi phòng nghiệp vụ y, khoa CSSKSS, khoa CSSKSS tỉnh.

- Đề án sàng lọc sơ sinh: đã khám và lấy máu gót chân làm sàng lọc sơ sinh cho 573 trẻ sơ sinh trong đó 67 trẻ được làm tại khoa.

- Chương trình khám sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú: đã tổ chức khám cho 700 phụ nữ và lấy phiếu đồ âm đạo cho 200 trường hợp phụ nữ trên toàn huyện, gửi bệnh phẩm lên cho khoa CSSKSS tỉnh xét nghiệm để phát hiện bệnh sớm và kịp thời điều trị cho chị em phụ nữ.

6. Vệ sinh an toàn thực phẩm:

Từ đầu năm 2023 đến nay, đã triển khai các đợt kiểm tra, giám sát:

- Kiểm tra liên ngành ATTP dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa lễ hội Xuân 2023, dịp Tháng hành động vì ATTP. Tổng số đoàn kiểm tra: 35. Trong đó:

- Kiểm tra liên ngành An toàn thực phẩm năm 2023:

+ Số đoàn kiểm tra tuyến huyện: 03

+ Số đoàn kiểm tra tuyến xã, thị trấn: 48

+ Số cơ sở được kiểm tra: 647 (chi tiết **Phụ lục 6**)

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các lễ hội, bữa ăn đông người, trong năm đề hạn chế đến mức thấp nhất các vụ ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra trên địa bàn

- Trong năm 2023 toàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm: đạt

- Tổng số cơ sở được kiểm tra: 647/918. (70.5%): chưa đạt

- Số cơ sở đạt yêu cầu: 535/647. (83.6%) (2022: 81,5%)

- Giám sát ATTP hơn 300 lễ hội, bữa ăn đông người/ gần 100.000 suất tại địa phương, trong đó có hai BADN cấp tỉnh với 3.000 suất, 18 BADN cấp huyện với 12.000 suất. (Cao hơn cùng kỳ năm 2022: 226 bữa ăn/58.000 suất): Đạt

- Trong năm 2023 đã xử lý 60 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP thuộc cấp huyện đạt tỉ lệ 69,2%. (2022: 20%). Tuy nhiên tỷ lệ trên vẫn chưa đạt. UBND huyện đã có Công văn số 5069/UBND-VP ngày 02/11/2023 để đốc thúc các đơn vị thống kê, báo cáo, tăng cường truyền thông, vận động để nâng cao tỷ lệ cấp giấy.

Kết quả hoạt động năm 2023: 94%, xếp loại tốt

7. Công tác chuyên môn khác

7.1. Phục hồi chức năng:

Trong năm qua chương trình PHCN – DVCD duy trì hoạt động đều đặn có hiệu quả lồng ghép với các chương trình dự án ACDC trong khám sàng lọc cho 270 người khuyết tật trên địa bàn Huyện Phong Điền (nhóm khó khăn vận động) chọn ra 43 NKT được tập luyện PHCN tại nhà trong 7 lần trong 7 tuần, có 170 NKT được hỗ trợ chăm sóc y tế và cung cấp 40 dụng cụ trợ giúp như xe lăn , xe lắc, nạng, gậy, khung tập đi , ghế tắm... cho 35 NKT và dự án MCNV hỗ trợ nẹp chỉnh hình thông minh cho 23 NKT trên địa bàn xã Phong Mỹ, Thị trấn và Phong Bình.

Kiểm tra chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cuối năm 2023 có 16 xã đạt loại Tốt và Trung tâm y tế Huyện đạt 96/100 điểm đạt loại tốt. Có 1 thứ ký chương trình xã Điền Môn được SYT khen thưởng.

7.2. Răng hàm mặt, Mắt:

Trong năm 2023 khoa liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng đã khám 11.511 lượt và đã triển khai kỹ thuật mới cắt Amydal bằng dao điện (10 ca). Bên cạnh đó phối hợp bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế đã tổ chức khám cộng đồng tại 07 trường (4 xã) với 2416 em học sinh được khám, trám, nhổ răng và tư vấn nha học đường. Phối hợp bệnh viện Mắt Huế tổ chức 08 điểm khám mắt cho người cao tuổi với 1168 lượt khám và chỉ định phẫu thuật 344 trường hợp

7.3. Tâm Thần

Trong năm 2023 chương trình tâm thần quản lý 232 bệnh nhân TTPL và 158 bệnh nhân động kinh trong đó phát hiện mới 25 bệnh nhân TTPL và 20 bệnh nhân ĐK.

Do năm 2022 và 2023 kinh phí hoạt động chương trình được duyệt muộn 17/12 nên làm hạn chế hoạt động của chương trình.

7.4. Vận chuyển cấp cứu trước viện :

Tổ cấp cứu trước viện hoạt động thường xuyên, có đủ nhân lực và phương tiện để cấp cứu kịp thời cho bệnh nhân và có cán bộ trực tại khoa cấp cứu 24/24h.

Kết quả vận chuyển cấp cứu ngoại viện:

+ Số gọi gọi cấp cứu : 50 trường hợp (45 trường hợp có bệnh nhân)

+ Số bệnh nhân đến cấp cứu do TNGT: 22 (07 trường CTSN)

Do các trường hợp xin xe thường được người dân chứng kiến nên gọi đến , có một số trường hợp đến nơi thì không có bệnh nhân ; một vài trường hợp không có người thân nên thu tiền xăng xe khó khăn.

Một số giải pháp:

+ Tiếp tục triển khai cấp cứu tại cơ quan được hoàn thiện hơn nhằm đảm bảo cấp cứu bệnh nhân một cách kịp thời và nhanh chóng.

+ Đảm bảo cơ sở thuốc men, vật tư trang thiết bị y tế, nhân viên có chuyên môn sẵn sàng cấp cứu tai nạn giao thông khi có trường hợp tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn.

-Tổ chức đào tạo và tập huấn về Hồi sức cấp cứu hàng năm để cán bộ y tế trao dồi kiến thức một cách hoàn chỉnh và tốt hơn.

8. Công tác phúc tra xã chuẩn về Y tế

- Thực hiện Công văn số 841/SYT-KHTC ngày 13/3/2023 của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện Quyết định 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030.

- Đơn vị đã tiến hành phúc tra các trạm y tế xã theo bộ tiêu chí mới (Quyết định 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030). Và đã hoàn thành hồ sơ trình cấp trên phúc tra.

9. Đào tạo và nhân lực y tế

Trong năm qua, công tác đào tạo bồi dưỡng được đơn vị chú trọng cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên môn cụ thể:

+ Đào tạo CKI: 03 người

+ Đại học: 04 người

+ Quản lý Nhà nước: 05 người

+ Quản lý Bệnh viện: 07 người

+ Nâng cao năng lực HSCC: 02 BS

+ Đề án 1816: 02 BS

+ Đề án 2826: 01 BS

Bên cạnh đó còn có các lớp bồi dưỡng ngắn hạn các chuyên ngành

- Các chính sách, phúc lợi của nhân viên y tế: Nhân viên Y tế luôn được cơ quan đảm bảo các chế độ chính sách về lương, phụ cấp và đóng bảo hiểm đầy đủ.

10. Công tác được, trang thiết bị và công trình y tế

10.1. Dược, vật tư y tế

Năm 2023 là năm đầu tiên đơn vị tự tổ chức đấu thầu mua thuốc, đơn vị đã tiến hành tổ chức đấu thầu qua mạng đấu thầu Quốc gia sau khi được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ngày 26/4/2023. Hội đồng đấu thầu của đơn vị đã tiến hành các bước đấu thầu thuốc theo đúng quy định của pháp luật đến ngày 19/9/2023 thì có kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1: Thuốc Generic và gói thầu số 2: Thuốc dược liệu -thuốc cổ truyền và đến ngày 11/10/2023 thì có kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3: Vị thuốc cổ truyền. Trung tâm đã công khai Kết quả đấu thầu trên hệ thống đấu thầu Quốc gia.

Về phần vật tư, hóa chất thì thầu năm 2023 thì có kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 29/3/2023 và công khai Kết quả đấu thầu trên hệ thống đấu thầu Quốc gia.

Thuận lợi và khó khăn trong quá trình tổ chức đấu thầu thuốc:

***Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ về công tác đấu thầu thuốc của Phòng nghiệp vụ Dược Sở Y tế.

***Khó khăn:**

- Do Trung tâm Y tế là đơn vị chuyên môn về Y tế, cán bộ làm công tác đấu thầu thuốc thiếu về nhân lực và yếu về nghiệp vụ đấu thầu, không có kinh nghiệm nên trong quá trình tổ chức cũng gặp không ít khó khăn, lúng túng.

- Đơn vị tự đấu thầu nên số lượng thuốc không lớn đặc biệt là các thuốc cấp cứu số lượng mời thầu ít nên không có nhà thầu tham dự thầu cũng ảnh hưởng đến công tác điều trị của đơn vị.

*** Kiến nghị:**

-Đề xuất điều chỉnh tăng danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương đặc biệt là những thuốc cấp cứu, thuốc gây nghiện- thuốc hướng tâm thần.

10.2. Trang thiết bị y tế

Trung tâm Y tế đã triển khai mua sắm Trang thiết bị theo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của cơ quan đơn vị.

11. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế

Trong năm 2023, nguồn thu sự nghiệp y tế ước tính tăng rõ rệt so với năm 2022, tuy nhiên đơn vị vẫn thiếu 4.807.000.000đ tiền lương, trong đó thiếu do lương cơ sở tăng từ 1.490.000đ lên 1.800.000đ là 2.453.000.000đ và thiếu lương do nguồn thu không đủ chi là 2.353.000.000đ.

Hiện tại, số kinh phí để chi trả tiền lương năm 2022 bị thiếu hụt là hơn 2 tỷ vẫn chưa được ngân sách bổ sung, trong khi đó đơn vị đã mượn nguồn kinh phí chi trả tiền thuốc, vật tư y tế để chi trả kịp thời tiền lương cho cán bộ. Việc nợ tiền thuốc, vật tư y tế cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc cung thuốc, vật tư y tế của các nhà thầu cho đơn vị.

12. Quản lý nhà nước và điều hành

12.1. Cải cách hành chính

a. Việc xây dựng ban hành kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Căn cứ Kế hoạch số 20/KH- SYT Ngày 04/01/2023 của Sở Y tế về Cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh năm 2023. Ngày 12 tháng 01 năm 2023 Trung tâm Y tế huyện Phong Điền đã ban hành Kế hoạch số 62/KH-TTYT về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, Y tế thông minh năm 2023

b. Công tác tổ chức chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Đảng ủy và Ban Giám đốc luôn quan tâm và xác định vai trò nhiệm vụ trong việc lãnh chỉ đạo về công tác CCHC, đồng thời xem đây như là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành nhằm không ngừng đáp ứng kịp thời nhu cầu của các cá nhân, đơn vị, tổ chức khi đến làm việc liên quan đến thủ tục hành chính của ngành.

Lãnh đạo luôn xác định CCHC là nhiệm vụ thường xuyên, là giải pháp quan trọng đảm bảo việc triển khai và thực hiện chương trình đúng mục đích, đạt kết quả tốt, hiệu quả cao; nâng cao hiệu quả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Đồng thời xác định công tác CCHC phải gắn liền với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.

Ngay từ đầu năm các khoa, phòng, TYT xã đều thực hiện tốt việc lập kế hoạch CCHC cũng như triển khai thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính. Thường xuyên đẩy mạnh việc rà soát các quy định, thủ tục hành chính đang áp dụng nhằm kịp thời phát hiện để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định, thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu nguyên tắc về quy định và thực hiện thủ tục hành chính, hoặc để cắt giảm chi phí về thời gian, tiền bạc của người dân, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

c. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH-SYT Ngày 06/01/2023 Sở Y tế về Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023 và phân công trách nhiệm cho các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện. Trung tâm Y tế huyện Phong Điền đã ban hành kế hoạch số 55/KH-TTYT về Tuyên truyền cải cách hành chính Trung tâm Y tế huyện Phong Điền năm 2023. Nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của viên chức, trong đơn vị đối với vị trí vai trò và tầm quan trọng trong công tác cải cách hành chính.

Thường xuyên tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và lãnh đạo tỉnh về về CCHC và tình hình, kết quả trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 được ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 24/12/2022 về Quyết định phê duyệt Kế hoạch cải cách hành

chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023.

Tăng cường biên soạn, biên tập tin bài tuyên truyền trên trang Thông tin điện tử của đơn vị. Các nội dung tin, bài được cập nhật liên tục, thường xuyên, mang tính thời sự đáp ứng yêu cầu của người truy cập nhất là các vấn đề liên quan đến cải cách hành chính.

Tuyên truyền phát động Hội thi trực tuyến tìm hiểu công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 trong cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 trong toàn ngành Y tế. Qua đó hội thi đã thu hút sự quan tâm, tìm hiểu và tham gia dự thi của đông đảo viên chức tham gia hội thi đạt số lượng và chất lượng cao.

d. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và tính khả thi của văn bản QPPL. Đề cao trách nhiệm của từng Phòng, ban trong quá trình xây dựng thể chế; phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của CBCC để nâng cao chất lượng văn bản QPPL...

Tập trung ban hành các văn bản quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, về phân công, phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực giữa các Phòng, khoa trong đơn vị; từng bước hoàn thiện quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức, bộ máy và biên chế...

Thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản, nâng cao tính pháp lý, hiệu lực, tránh chồng chéo của văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính;

Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật ban hành không còn phù hợp với quy định của pháp luật, có nội dung chồng chéo, trùng lặp, bất hợp lý để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm tính khả thi cao.

Tổ chức, triển khai thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách mới về lĩnh vực Y tế thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

12.2. Công tác thanh, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại

- Hàng năm đơn vị đã ban hành kế hoạch về thực hiện Kiểm tra công vụ, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với toàn thể các Khoa, Phòng, Trạm Y tế.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được cơ quan thực hiện đầy đủ, đúng nguyên tắc. Trong năm không có trường hợp nào khiếu nại tố cáo, không có đơn thư phản ánh.

III. NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

Trong những năm qua, được sự chỉ đạo sâu sát của Sở Y tế cùng với sự hỗ trợ, ủng hộ, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền đã tiến bộ về mọi mặt, thu được những thành quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện Phong Điền

2. Khó khăn

- Trung tâm y tế còn thiếu nhân lực bác sĩ, nhất là nguồn bác sĩ có trình độ cao, gây ảnh hưởng đến việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn trong công tác nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

- Hiệu quả việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện chưa có nhiều chuyển biến tích cực.

- Công tác tuyển dụng đội ngũ Bác sĩ hàng năm theo nhu cầu của đơn vị thực tế chưa đạt, không có bác sĩ đăng ký dự tuyển. Nguyên nhân chủ yếu là chế độ đãi ngộ chưa có, mức thu nhập thấp, môi trường làm việc chưa phát triển dẫn đến Bác sĩ không muốn về công tác.

- Trung tâm cơ bản đủ các chuyên khoa, tuy nhiên chưa có đội ngũ chuyên gia sâu về chuyên môn nên chưa đáp ứng đầy đủ với nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng ngày càng cao của người bệnh.

- Công tác đấu thầu, mua sắm nhất là các trang thiết bị ...

+ Do Trung tâm Y tế là đơn vị chuyên môn về Y tế, cán bộ làm công tác đấu thầu thuốc thiếu về nhân lực và yếu về nghiệp vụ đấu thầu, không có kinh nghiệm nên trong quá trình tổ chức cũng gặp không ít khó khăn, lúng túng.

+ Đơn vị tự đấu thầu nên số lượng thuốc không lớn đặc biệt là các thuốc cấp cứu số lượng mời thầu ít nên không có nhà thầu tham dự thầu cũng ảnh hưởng đến công tác điều trị của đơn vị.

- Công tác ứng dụng CNTT cũng chưa đảm bảo theo yêu cầu của cấp trên đề ra, nhất là ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, bệnh án điện tử.

+ Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ. Trung tâm đã được tập đoàn VNPT và Viettel đã giới thiệu nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được vì báo giá triển khai quá lớn, cần phải nâng cấp hệ thống phần cứng lên để đáp ứng.

+ Tuy đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt qua ứng dụng Huế S. Nhưng đa số người dân trên địa bàn không dùng tài khoản ví điện tử Huế S; Chỉ dùng các áp ngân hàng và dùng tiền mặt.

+ Có một số máy điện thoại có cấu hình thấp nên không thể cài đặt phần mềm được, đối với dòng máy Iphone hệ điều hành IOS 13.0 trở xuống không cài được VNeID.

- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp cần được nâng cấp hoặc đầu tư mới theo quy chuẩn của Bộ Y tế;

- Công tác tài chính

+ Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 60/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021, tuy nhiên do nguồn thu sự nghiệp y tế thấp nên đơn vị không đảm bảo tiền lương cho cán bộ nhân viên.

+ Nhiều năm qua, do nguồn thu không đảm bảo nên cán bộ công nhân viên chức y tế không có thu nhập tăng thêm cũng ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cán bộ nhân viên.

- Về công tác Phòng chống dịch:

+ Mặc dầu các xã/thị trấn đã triển khai khá đồng bộ các hoạt động PCD, chỉ số bọ gây ít nhiều được cải thiện nhưng công tác thau vét bọ gây đạt hiệu quả chưa cao, thiếu tính bền vững, người dân vẫn còn thụ động, chưa tự giác thau vét một cách thường xuyên. Các ngày ra quân làm sạch môi trường Chủ Nhật xanh tuy có lồng ghép triển khai thau vét bọ gây nhưng hiệu quả thau vét bọ gây vẫn chưa đạt như mong muốn.

+ Trong thời gian qua, Trung tâm Y tế đã được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Đoàn sửa chữa, bảo dưỡng máy phun do Sở Y tế thành lập về sửa chữa máy phun của TTYT và các trạm y tế, tuy nhiên qua nhiều năm sử dụng, máy móc đã hư hỏng theo thời gian nên có một số máy phun hỏng nhiều bộ phận nhưng chưa có kinh phí để mua phụ kiện thay thế và một số máy hư hỏng quá nhiều buộc phải hủy.

+ Các ca bệnh SXH ghi nhận trên địa bàn chủ yếu vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10 đúng thời điểm mưa liên tục, kéo dài, phần lớn các bệnh nhân ghi nhận trong đợt này đều nằm tại các vùng bị chia cắt do lũ nên ảnh hưởng đến kế hoạch cũng như chất lượng giám sát và thau vét bọ gây cũng như phun hóa chất PCD bệnh.

- Về An toàn thực phẩm:

+ Cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm đa số là cán bộ làm công tác kiêm nhiệm ít được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ nên trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm còn nhiều hạn chế.

+ Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm phần lớn nhỏ lẻ nên việc đảm bảo các điều kiện VSATTP chưa được chú trọng.

+ Kinh phí đầu tư cho lĩnh vực ATTP chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tế nhất là ở các xã, thị trấn

- Về công tác Dân số- Truyền thông và giáo dục sức khỏe:

+ Tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên vẫn còn khá cao; số cán bộ, đảng viên vi phạm sinh con thứ 3 trở lên đến thời điểm tháng 10/2023 là 11 người.

+ Trình độ của Cộng tác viên không đồng đều, kỹ năng truyền thông, tư vấn còn yếu, công tác thu thập thông tin của CTV có lúc chưa thật chính xác và kịp thời. Cộng tác viên DS-KHHGD chưa lồng ghép tốt việc tuyên truyền với các hoạt động, sinh hoạt của các đoàn thể.

- Một số người dân có kinh tế khá giả muốn sinh thêm con. Công tác thông tin, truyền thông giáo dục tuyên truyền đã triển khai trên nhiều kênh nhưng thực sự chưa đủ làm cho cộng đồng dân cư thay đổi nhận thức, nhất là để thay đổi tư tưởng lạc hậu muốn có con trai nối dõi tông đường và chuyển đổi hành vi một cách bền vững.

Phần thứ hai
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2024

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh theo các Tiêu chí quản lý chất lượng của Bộ Y Tế. Chú trọng phát triển các chuyên môn nhất là các lĩnh vực chuyên khoa HSCC, Ngoại Khoa, TMH, Sản khoa để nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật qua đó tạo sự tin tưởng của người bệnh an tâm điều trị.

- Triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành bệnh viện. Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ nhân viên bệnh viện về mọi mặt.

- Tiếp tục duy trì và củng cố công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện, chủ động phương án, nhân lực, vật lực để sẵn sàng tổ chức thực hiện công tác phòng chống mọi dịch bệnh lưu hành trên địa phương.

- Tăng nguồn thu sự nghiệp y tế đảm bảo đủ chi phí tiền lương cho cán bộ nhân viên y tế trong năm 2024. Đồng thời, thực hiện các biện pháp để tiết kiệm chi phí cho đơn vị.

- Tổ chức triển khai tốt các hoạt động chuyên môn về dân số nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của huyện Phong Điền nói riêng và tỉnh nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

1./ Khám chữa bệnh hoàn thành các chỉ tiêu được giao, đảm bảo an toàn hiệu quả. Nâng cao chất lượng lĩnh vực chuyên khoa HSCC, Ngoại Khoa, TMH, Sản khoa để nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật, triển khai 3-4 dịch vụ kỹ thuật mới.

2./ Củng cố công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện, chủ động phương án, nhân lực, vật lực để sẵn sàng tổ chức thực hiện công tác phòng chống mọi dịch bệnh. Không chế kịp thời, không để dịch bệnh bùng phát, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội.

Tăng cường năng lực hệ thống điều trị để phát hiện sớm, thu dung, cấp cứu, điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp tử vong, giảm biến chứng và giảm quá tải bệnh viện tuyến cuối.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là tiêm chủng vắc xin đầy đủ, đúng liều, đúng lịch theo khuyến cáo của Bộ Y tế.

- Tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành trong triển khai các biện pháp phòng chống dịch, kiểm tra, giám sát các hoạt động tại các tuyến.

3./ Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia trong đó chú trọng công tác TCMR, An toàn vệ sinh thực phẩm, Vệ sinh môi trường, Phòng chống HIV/AIDS,...

4./ Tổ chức tốt công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ. Đặc biệt chú trọng công tác phòng, chống dịch và các bệnh không lây nhiễm.

5./ Tăng cường công tác đào tạo, học tập để không ngừng nâng cao trình độ cho CBVC về mọi lĩnh vực đáp ứng được nhu cầu trong tình hình mới.

6./ Tăng cường thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và công tác quản lý trang thiết bị, bổ sung những thiết bị mới để phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đạt hiệu quả.

7./ Duy trì tốt công tác nghiên cứu khoa học và có những đề tài ứng dụng thực tiễn.

8./ Phân đấu năm 2024 đạt Bệnh viện xuất sắc.

9./ Xây dựng Kế hoạch phối hợp với bệnh viện tuyến trên và các trung tâm y tế huyện bạn để tiếp nhận sự hỗ trợ chuyển giao một số kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân.

10./ Tăng nguồn thu sự nghiệp y tế thông qua nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Nâng cao mở rộng các dịch vụ y tế để tăng nguồn thu đảm bảo đủ chi phí tiền lương cho cán bộ nhân viên y tế. Thực hiện các biện pháp để tiết kiệm chi phí cho đơn vị trong hoạt động.

11./ Tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn về dân số nhằm giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và các hoạt động về nâng cao chất lượng dân số.

II. CÁC CHỈ TIÊU

1. Công tác khám, chữa bệnh

a. Các chỉ tiêu cơ bản

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	KH năm 2024
1	Tổng số giường bệnh (không tính giường Trạm y tế xã)	Giường	100 (10 giường PK Điền Hải)
2	Số Trạm Y tế xã/thị trấn có bác sỹ	Trạm	16
3	Số xã/thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	Xã/thị trấn	16
4	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	<10.0
5	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,0

b. Các chỉ tiêu khám, chữa bệnh năm 2024 tại TTYT

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2024
1	Kế hoạch giường bệnh	Giường	90
2	Số lần khám bệnh	Lần	120.000
3	Số bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5.000
4	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	34.000
5	Bình quân ngày điều trị	Ngày	≤ 6
6	Công suất sử dụng giường bệnh	%	≥ 95%
7	Số lần xét nghiệm	Lần	45.000
8	Số lần chụp X quang	Lần	17.000
9	Số lần siêu âm	Lần	13.000
10	Số lần điện tim	Lần	3.000

11	Phẫu thuật các loại	Lần	1.000
12	Triển khai Dvkt mới	dv	05

2. Chương trình công tác KSBT - YTCC – ATTP

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2024
A	Phòng chống bệnh truyền nhiễm		
1	Tỷ lệ các bệnh dịch mới phát sinh được phát hiện và xử lý kịp thời.	%	100
2	Dịch COVID-19: Tỷ lệ các ổ dịch được phát hiện và xử lý kịp thời, không để dịch bệnh bùng phát trong cộng đồng	%	100
3	Tỷ lệ các bệnh: cúm A(H5N1), cúm A(H5N6), tiêu chảy, tả, lỵ trực trùng: các ổ dịch được phát hiện, xử lý kịp thời, không để lây lan trong cộng đồng.	%	100
4	Bệnh sốt xuất huyết + Tỷ lệ mắc sốt xuất huyết	100.000 dân.	40
5	Bệnh tay chân miệng + Tỷ lệ mắc	100.000 dân	30
B	Tiêm chủng mở rộng		
1	Số xã đạt tiêu chuẩn loại trừ UVSS	%	100
2	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ < 1 tuổi	%	> 95
3	Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh	%	> 85
4	Tỷ lệ tiêm vắc xin UV2+ cho phụ nữ có thai	%	> 90
C	An toàn thực phẩm		
1	Tỷ lệ cơ sở được kiểm tra, giám sát theo phân cấp	%	>90
2	Tỷ lệ bữa ăn đông người được giám sát	%	>90
3	Tỷ lệ cơ sở tuyến huyện có xác nhận kiến thức ATTP	%	>90
4	Tỷ lệ cơ sở tuyến huyện quản lý được cấp giấy đủ điều kiện ATTP	%	>90
D	Phòng chống HIV/AIDS		
1	Người nghiện dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế.	Người	06
2	Tỷ lệ người dân 15-24 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS.	%	79
3	Tỷ lệ người dân 15-49 tuổi không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV.	%	76
4	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	%	95
5	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được xét nghiệm HIV	%	60
E	Bệnh không lây nhiễm		
1	Tỷ lệ người trưởng thành được đo huyết áp 01 lần/năm để phát hiện sớm tăng huyết áp / Tỷ lệ người từ 40 tuổi trở lên trong số đó được đo huyết áp	%	50 / 80
2	Tỷ lệ người mắc tăng huyết áp được phát hiện	%	50
3	Tỷ lệ số người phát hiện Tăng huyết áp được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	%	50
4	Tỷ lệ người mắc đái tháo đường được phát hiện thông qua sàng lọc	%	50
5	Tỷ lệ người phát hiện bệnh ĐTĐ được quản lý điều	%	>30

	trị theo hướng dẫn chuyên môn		
F	Vệ sinh trường học		
1	Tỷ lệ trường học được Triển khai các hoạt động phòng chống bệnh tật học đường, các hoạt động chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho học sinh	%	100
2	Tỷ lệ cán bộ YTTH, giáo viên kiêm nhiệm y tế của tất cả các trường học trên địa bàn được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về công tác YTTH.	%	100

3 Chỉ tiêu công tác Dân số - KHHGD

- Giảm mức sinh: 0,20‰;
- Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên: 1%;
- Tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên: giảm 3 % so năm 2023;
- Tỷ số giới tính khi sinh: < 110;
- Tỷ lệ SLTS: 65%; PN mang thai được sàng lọc: 1.100. Trong đó được hỗ trợ: 100;
- Tỷ lệ SLSS: 80%; Trẻ sơ sinh được sàng lọc: 1.000. Trong đó được hỗ trợ: 100;
- Tăng tỷ lệ người cao tuổi được khám định kỳ 1%;
- Đạt 100% tổng các BPTT năm 2024 do Chi cục DS-KHHGD giao.
- Tỷ lệ đăng ký mô hình xã, phường, cụm dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên đạt 100% số thôn, bản; Duy trì các thôn 01, 02, 03 năm liền không có người vi phạm do sinh con thứ 03 trở lên.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, cấp ủy Chi bộ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, kết hợp chặt chẽ vai trò của đoàn thể quần chúng. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, động viên mỗi cá nhân phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, chỉ tiêu đã đề ra.
2. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ chuyên môn đặc biệt là vai trò trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo các khoa, phòng, bộ phận. Kết hợp với đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn.
3. Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe ban đầu các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban chỉ đạo; triển khai giám sát tình hình dịch, bệnh, tăng cường giao ban định kỳ hoặc đột xuất để cập nhật thông tin và đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong phòng, chống dịch.
4. Bổ sung trang thiết bị Y tế, triển khai và nâng cao hiệu suất sử dụng các trang thiết bị hiện có, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học phát huy sáng kiến cải tiến gắn liền với thực tiễn công tác.
5. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe cho cả tuyến huyện, xã, thị trấn và y tế thôn bản. coi đây là nhiệm vụ hàng đầu trong sự nghiệp bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.
6. Xây dựng kế hoạch xin đầu tư sửa chữa một số Trạm Y tế xã xuống cấp, từng bước cải thiện điều kiện làm việc của CBVC.

7. Giám sát và hướng dẫn chuyên môn cho các Trạm Y tế để từng bước nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ và thực hiện quy chế chuyên môn cho hệ thống Trạm y tế xã, thị trấn dần đi vào nề nếp có hiệu quả tốt.

8. Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng, tạo không khí phấn khởi, đoàn kết trong đơn vị, xây dựng điển hình tiên tiến để không ngừng thúc đẩy các hoạt động của đơn vị.

9. Bệnh viện duy trì mức 3,4 và phấn đấu một số mức 5 theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.

10. Tiếp tục tăng cường sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, đoàn thể và những người có uy tín trong cộng đồng đối với công tác DS - KHHGD. Tập trung mọi nguồn lực để truyền thông nhằm chuyển đổi hành vi, xây dựng các loại hình truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ.

Tham mưu cho UBND huyện phân bổ chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cho các xã, thị trấn.

Kịp thời tham mưu củng cố, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD cấp huyện đến cơ sở để hoạt động có hiệu quả hơn. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho tất cả CTV trên địa bàn huyện.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Y tế

- Tiếp tục đầu tư ngân sách sửa chữa các hạng mục xuống cấp của cơ sở khám chữa bệnh công lập trên địa bàn.

- Tiếp tục có những chính sách thu hút nhân lực đội ngũ bác sĩ trẻ về để làm việc tại trung tâm.

- Trong công tác đấu thầu thuốc và vật tư: Đề xuất điều chỉnh tăng danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương đặc biệt là những thuốc cấp cứu, thuốc gây nghiện- thuốc hướng tâm thần.

- Hiện tại, đơn vị đang thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và nguồn thu sự nghiệp y tế giảm so với các năm trước khi dịch bùng phát cũng là nguyên nhân dẫn đến khó khăn về tình hình tài chính cho đơn vị. Vì vậy, đơn vị rất mong muốn được cấp kinh phí bổ sung kịp thời và đầy đủ trong các năm tiếp theo nếu nguồn thu sự nghiệp vẫn chưa đảm bảo.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo nguồn nhân lực để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

- Cần hỗ trợ đầu tư kinh phí để triển khai số hóa bệnh án. Đưa giá dịch vụ CNTT và trong giá dịch vụ y tế.

- Ứng dụng Huế S cần liên kết các ứng dụng của các ngân hàng khác khi quét để thanh toán. Cần tuyên truyền nhiều qua các trang thông tin đại chúng để người dân nắm bắt và sử dụng cũng như cần có chương trình khuyến mãi lớn để khuyến khích người dân dùng.

2. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện

- Cần có những chính sách thu hút nhân lực đội ngũ bác sĩ trẻ về để làm việc tại tuyến y tế cơ sở.

- UBND huyện quan tâm hỗ trợ kinh phí cho việc thực hiện 03 Đề án: Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi giai đoạn 2018-2025; Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân Số-Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên.

- UBMTTQ Việt Nam huyện, LĐLĐ huyện, các xã, thị trấn và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tiếp tục phát huy việc đưa chính sách DS-KHHGD vào một trong những tiêu chuẩn chính để đánh giá thi đua, khen thưởng cuối năm, đồng thời tổ chức ký cam kết không sinh con thứ 3 trở lên đối với 100% cán bộ, công nhân, viên chức./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Thường trực Huyện ủy; ĐB BC
- UBND huyện;
- Các khoa, phòng;
- Trạm Y tế xã, thị trấn;
- Lưu: Vt, KHNV

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lợi

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

Bảng 1.1. Các chỉ tiêu y tế cơ bản

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2023	Kết quả
1	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	74,25	
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	98,5	Đạt
3	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường của PKĐK, TYT)	Giường	8	
4	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Người	4,38	
5	Tỷ lệ tăng dân số	%	5,06	Đạt
6	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai /100 bé gái	117	Không đạt
7	Số dược sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	0,8	
8	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	4,48	
9	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Ca	0	Đạt
10	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	0,038‰	Đạt
11	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	0,02‰	Đạt
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	6,98	Đạt
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi)	%	10,53	Đạt
14	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030	%	100*	Đạt
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95	Không đạt
16	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ làm việc	%	12/16	Không đạt
17	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế (%)	%	98,4	Đạt
18	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	100%	Đạt

Bảng 1.2. Chỉ tiêu khám chữa bệnh

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Kết quả
1	Kế hoạch giường bệnh	Giường	90	Không đạt
2	Số lần khám bệnh	Lần	60.000	Đạt
3	Số bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.800	Đạt
4	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	28.000	Đạt
5	Bình quân ngày điều trị	Ngày	≤ 6	Không đạt
6	Công suất sử dụng giường bệnh	%	≥ 95%	Đạt
7	Số lần xét nghiệm	Lần	36.000	Đạt
8	Số lần chụp X quang	Lần	15.000	Đạt
9	Số lần siêu âm	Lần	12.000	Đạt
10	Số lần điện tim	Lần	3.000	Đạt
11	Phẫu thuật các loại	Lần	400	Đạt

Bảng 1.3. Chỉ tiêu KSBT

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	
1	Chỉ tiêu phòng chống bệnh truyền nhiễm			Đạt
	+ Triển khai ký cam kết PCD đến hộ gia đình	%	98,58%	Đạt
	+ Ca bệnh được tiếp cận, tư vấn cách ly, điều trị và hỗ trợ xử lý môi trường ca bệnh trong vòng 24 giờ	%	100%	Đạt
	+ Chiến dịch diệt bọ gậy	Đợt	03	Đạt
	+ Giám sát chỉ số côn trùng/xã	%	25%	Đạt
2	Số ca mắc bệnh lao/100.000 dân	ca	98	Đạt
3	Số ca mắc sốt rét/1.000 dân	ca	0	Đạt
4	Số ca nhiễm mới HIV/100.000 dân	ca	37,02	Đạt
5	Tỷ lệ người nhiễm HIV được điều trị	Người	100%	Đạt
6	Tỷ lệ người bị tăng huyết áp được phát hiện sớm (%)	%	9,48%	Không đạt
6	Tỷ lệ người bị tăng huyết áp được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	%	17,7%	Không đạt

7	Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường được phát hiện (%)	%	1,96%	Không đạt
8	Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường được quản lý, điều trị (%)	%	52,31%	Đạt
9	Tiêm chủng mở rộng	%	73,56	Không đạt
10	An toàn thực phẩm			Đạt
	+ Số vụ ngộ độc thực phẩm	Lần	Không	Đạt
	+ Số cơ sở kiểm tra	Lượt	70.5%	Chưa đạt
	+ Giám sát ATTP	Lần	>300	Đạt

Phụ lục 2: Kết quả khám chữa bệnh

Bảng 2.1. Kết quả khám chữa bệnh Trung tâm

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	So sánh
1	Tổng số lần khám bệnh	101.747	117.597	16%
	Tổng số lần khám nội viện	49.639	55.339	11%
	Tổng số lần khám trạm y tế	52.108	53.524	3%
	Tổng số lần khám ngoại viện	0	0	
2	Tổng số lượt điều trị ngoại trú	625	790	26%
3	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân ngoại trú	8.874	11.689	32%
4	Tổng số lượt điều trị nội trú	4.665	4.612	-1%
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	29.330	31.047	6%
6	Công suất sử dụng giường bệnh	100	106	6%
7	Ngày điều trị bình quân	6	6,7	12%
8	Luân lưu giường bệnh	58	58	0
9	Số bệnh nhân chuyển tuyến trên	5.901	6.485	10%
	Chuyển tuyến	5.634	6.291	12%
	Chuyển viện	267	194	-27%
10	Tổng số phẫu thuật tại đơn vị	817	1.035	27%
	Phẫu thuật loại I	4	6	
	Phẫu thuật loại II	233	268	
	Phẫu thuật loại III	580	771	
11	Tổng số thủ thuật thực hiện	9.261	18.152	96%
12	Tổng số ca đẻ tại đơn vị	207	222	7%
	Trong đó mổ lấy thai	5	3	-40%
13	Tổng số XN Cận lâm sàng	65.722	78.352	19%
	Sinh hoá	19.147	24.917	
	Huyết học	16.513	19.770	
	Vi sinh	2.828	2.871	
	X quang	14.170	15.495	
	Siêu âm	10.525	12.581	
	Điện tim	2.539	2.718	
14	Nội soi	315	718	128%
15	Dịch vụ kỹ thuật mới	0	10	

Bảng 2.2. Khám chữa bệnh phòng khám Điền Hải

Stt	Nội dung	2023
1	Lượt khám	8.734
2	Khám và điều trị YHCT	139
3	Chuyên tuyến	982
4	Tổng số xét nghiệm CLS	2.674
5	X quang	720
6	Siêu âm	305
7	Thủ thuật	1.252

Phụ lục 3: Ứng dụng CNTT trong khám chữa bệnh

Bảng 3.1. Khám chữa bệnh từ xa với phần mềm Bác sĩ cho mọi nhà

STT	Phường Xã	Số tài khoản người dân đã được tạo ra	Số người dân đã sử dụng phần mềm	Số người dân đã đặt lịch hẹn	Số người dân được tư vấn, khám chữa bệnh từ xa
1	Thị trấn Phong Điền	7642	8	3	2
2	Xã Điền Hải	2025	0	0	0
3	Xã Điền Hòa	1906	4	0	0
4	Xã Điền Hương	1433	0	0	0
5	Xã Điền Lộ	3043	0	0	0
6	Xã Điền Môn	1306	0	0	0
7	Xã Phong An	6417	1	0	0
8	Xã Phong Bình	1392	2	0	0
9	Xã Phong Chương	3460	117	1	1
10	Xã Phong Hải	2276	1	0	0
11	Xã Phong Hiền	4383	0	0	0
12	Xã Phong Hòa	3967	0	0	0
13	Xã Phong Mỹ	1760	0	0	0
14	Xã Phong Sơn	4616	0	0	0
15	Xã Phong Thu	835	0	0	0
16	Xã Phong Xuân	3162	0	0	0

Bảng 3.2 : Hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân

STT	Địa bàn	Dân số quản lý trên HSSK	Số tài khoản đăng ký app	Tỷ lệ %
Huyện Phong Điền		110200	57596	52,36 %
1	Xã Phong An	11.553	6.219	53
2	Xã Phong Sơn	10.456	9.379	89
3	Xã Phong Chương	8.900	2.158	24
4	Xã Phong Hòa	8.739	9.252	105
5	Xã Phong Bình	8.736	4.480	51

6	Xã Phong Hiền	8.429	4.403	52
7	Thị trấn Phong Điền	8.265	3.300	39
8	Xã Phong Xuân	6.380	3.367	52
9	Xã Phong Mỹ	6.275	1.819	28
10	Xã Điền Hải	5.743	1.451	25
11	Xã Điền Lộc	5.570	4.891	87
12	Xã Điền Hòa	5.327	1.750	32
13	Xã Phong Hải	4.830	1.459	30
14	Xã Phong Thu	3.770	1.081	28
15	Xã Điền Môn	3.687	511	13
16	Xã Điền Hương	3.540	2.076	58

Bảng 3.3: Khám chữa bệnh bằng Căn cước công dân

STT	Đơn vị	Khám CCCD	Tổng số Khám bệnh	Tỉ lệ %
1	TTYT Phong Điền	12.430	39.530	31%
2	TYT Thị trấn	256	555	46%
3	TYT Phong Mỹ	709	1.658	43%
4	TYT Phong Chương	1.149	1.909	60%
5	PK Điền Hải	4.410	7.926	56%
6	TYT Phong An	4.712	11.371	41%
7	TYT Điền Lộc	1.293	2.614	49%
8	TYT Điền Hương	743	1.709	43%
9	TYT Phong Hiền	124	8.168	2%
10	TYT Phong Hòa	504	1.727	29%
11	TYT Phong Thu	7	17	41%
12	TYT Phong Sơn	4.434	7.278	61%
13	TYT Phong Bình	1.164	2.075	56%
14	TYT Điền Môn	1.360	2.116	64%
15	TYT Phong Xuân	1.850	3.517	53%
16	TYT Phong Hải	81	321	25%
17	TYT Điền Hòa	67	185	36%
18	TYT Điền Hải	0	0	0%
Tổng toàn Huyện		35.293	92.676	38%

Phụ lục 4: Công tác y tế dự phòng

Bảng 3.1. Truyền thông về HIV/AIDS

STT	Đơn vị	Tổng số thôn/ tổ	Số cuộc truyền thông năm 2023	Số cuộc đã thực hiện
1	Phong Mỹ	10	40	40
2	Phong Xuân	11	44	44
3	Phong Sơn	13	52	52
4	Phong An	7	28	28
5	Phong Hiền	8	32	32
6	Phong Thu	8	32	32
7	Thị Trấn	6	24	24
8	Phong Hòa	13	52	52
9	Phong Bình	12	48	48
10	Phong Chương	9	36	36
11	Điền Hương	4	16	16
12	Điền Môn	4	16	16
13	Điền Lộc	7	28	28
14	Điền Hòa	11	44	44
15	Điền Hải	8	32	32
16	Phong Hải	5	20	20
Tổng cộng:		136	544	544

Bảng 3.2. Hình thức truyền thông HIV/AIDS

TT	Hình thức	Số lượng
1	Đài phát thanh huyện	24 lần
2	Xây dựng các cụm panô, khẩu hiệu	04
3	Số lượt truyền thông về HIV/AIDS (các hình thức)	3.119
4	Số lượt người được truyền thông	1.274.071

Bảng 3.3. Triển khai tháng chiến dịch dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

TT	Các chỉ số	Số lượng		
		12 tháng năm 2022	6 tháng /2023	Tháng 6/2023
	Tổng số phụ nữ mang thai tại thời điểm báo cáo		233	
1	Số phụ nữ mang thai được tư vấn trước xét nghiệm HIV	2781	235	189
2	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV tự nguyện:	1678	377	158
2.1	Xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai.	1036	132	112
2.2	Xét nghiệm HIV trong lúc chuyển dạ.	642	245	46
3	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại nhận kết quả	1678	377	158

Phụ lục 5: Công tác dân số KHHGD

Bảng 4.1. Thông qua dữ liệu dân cư có các chỉ báo về dân số năm 2023

Chỉ số	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch
Dân số (người)	102.130	102.610	+480
Số trẻ sinh (người)	916	1.232	+316
Tỷ suất sinh (CBR) (‰)	8,98	12,03	+3,05
Số sinh con thứ 3 trở lên (người)	154	200	+46
Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên (%)	16.81	16.23	-0.58
Số tử vong (người)	524	521	-3
Tỷ suất tử vong (CDR) (‰)	5.14	5.09	-0,05
Tỷ lệ tăng tự nhiên (NIR) (‰)	3.84	6.94	+3.1
Số phụ nữ 15-49 tuổi có chồng (người)	13.509	13.600	+541
Số phụ nữ áp dụng các BPTT (người)	9.434	9.818	+384
Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng BPTT (%)	69.83	65.49	-4,43

Phụ lục 6: An toàn thực phẩm

Bảng 6.1. Hoạt động thông tin, truyền thông

TT	Tên hoạt động/hình thức	Tuyến huyện	
		Số lượng	Ghi chú
1	Nói chuyện, tư vấn cộng đồng/Hội thảo (buổi/tổng số người dự)	16/480	
2	Tập huấn (lớp/tổng số người dự)	05/232	
3	Phát thanh loa, đài (tin/bài/phóng sự)	1000	
4	Truyền hình (buổi/tọa đàm/phóng sự)	0	
5	Báo viết (tin/bài/phóng sự)	05	
6	Băng rôn, khẩu hiệu	110	
7	Tranh áp – phích/Posters	600	
8	Tờ gấp/tờ rơi	3000	
9	Tài liệu khác (ghi rõ):Pano	01	

Bảng 6.2. . Hoạt động thanh tra, kiểm tra:

TT	Nội dung	Tuyến huyện, xã				
		SX thực phẩm (gồm vừa SX và vừa KD)	KD thực phẩm	KD dịch vụ uống	KD thức ăn đường phố	Cộng
1	Tổng số cơ sở	22		178	739	939
2	Cơ sở được thanh tra, kiểm tra	16		106	525	647
	Đạt (số cơ sở/%)	14/87.5%		90/84.9%	431/82.1	535/82.7
	Vi phạm (số cơ sở/%)	02/12.5%		16/ 15.1%	94/17.9	112/17.3

Phụ lục 7: Phục hồi chức năng

Bảng 7.1 Chương trình PHCN - DVCD 16 xã thị trấn quản lý NKT

Dạng tàn tật	Số NTT đang tập		Số NTT có tiến bộ		Số NTT tiến bộ về hội nhập XH	
	<15	>15	<15	>15	<15	>15
1. KK vận động	30	149	24	140	122	112
2. KK về học	03	03	03	03	02	02
3. KK về nhìn	03	03	03	03	02	02
4. KK nghe, nói	05	03	02	03	02	02
5. Động kinh	05	02	05	04	02	02
6. Hành vi xa lạ						
7. Mất cảm giác						
8. Dạng khác						
Tổng cộng	46	160	37	153	130	120